TRUNG TÂM CÔNG BÁO VÀ TIN HỌC
ttcbth@quangngai.gov.vn
16.10.2024 11:21:53 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 44/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 9 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHOÁ XIII KỲ HỌP THỨ 27

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 145/TTr-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới như Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 27 thông qua ngày 27 tháng 9 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua.

2. Các nội dung khác tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 54/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp năm

2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh; số 16/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 từ nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh; số 09/NQ-HĐND ngày 24 tháng 01 năm 2024 về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 từ nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh không điều chỉnh tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành./.

CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Bùi Thị Quỳnh Vân

Ký bởi: HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
Cơ quan: HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
Thời gian ký: 30/09/2024 15:45:54

PHỤ LỤC

ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Đồng

STT	Đơn vị/Nội dung	Dự toán giao			Điều chỉnh tăng (+) /giảm (-) so với dự toán đã giao			Dự toán sau điều chỉnh/bổ sung		
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh
I	**Dự toán được giao tại Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (được UBND tỉnh phân bổ tại số 910/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2022) và Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/9/2022 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh**	**2.057.000.000**	**1.037.000.000**	**1.020.000.000**				**2.057.000.000**	**1.037.000.000**	**1.020.000.000**
1	**Điều chỉnh giảm**	**957.000.000**	**655.000.000**	**302.000.000**	**-256.005.800**	**-160.053.000**	**-95.952.800**	**700.994.200**	**494.947.000**	**206.047.200**
a	***Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi***	***432.000.000***	***130.000.000***	***302.000.000***	***-168.505.800***	***-72.553.000***	***-95.952.800***	***263.494.200***	***57.447.000***	***206.047.200***
-	Nội dung thành phần số 11 - Nội dung 01 (Quản lý điều hành, kiểm tra giám sát thực hiện chương trình)	260.000.000	130.000.000	130.000.000	-140.105.800	-72.553.000	-67.552.800	119.894.200	57.447.000	62.447.200
-	Nội dung thành phần số 11 - Nội dung 02 (Tuyên truyền, nâng cao nhận thức)	172.000.000		172.000.000	-28.400.000		-28.400.000	143.600.000		143.600.000
b	***UBND thành phố Quảng Ngãi***	***525.000.000***	***525.000.000***		***-87.500.000***	***-87.500.000***		***437.500.000***	***437.500.000***	
-	Nội dung thành phần số 03 - Nội dung 02 (Hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao đời sống)	525.000.000	525.000.000		-87.500.000	-87.500.000		437.500.000	437.500.000	
2	**Bổ sung tăng**	**1.100.000.000**	**382.000.000**	**718.000.000**	**256.005.800**	**160.053.000**	**95.952.800**	**1.356.005.800**	**542.053.000**	**813.952.800**
a	***UBND huyện Sơn Hà***	***1.100.000.000***	***382.000.000***	***718.000.000***	***160.053.000***	***160.053.000***		***1.260.053.000***	***542.053.000***	***718.000.000***
-	Nội dung thành phần số 03 – Nội dung 02. (Mục b. Chi hỗ trợ các dự án, mô hình, phương án, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp	1.100.000.000	382.000.000	718.000.000	160.053.000	160.053.000		1.260.053.000	542.053.000	718.000.000
b	**Chi cục Thủy lợi**				**95.952.800**		**95.952.800**	**95.952.800**		**95.952.800**
	Nội dung thành phần 11 - Nội dung 01. Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng.				95.952.800		95.952.800	95.952.800		95.952.800
II	**Dự toán được giao tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 từ nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh**	**3.450.000.000**	**3.000.000.000**	**450.000.000**				**3.450.000.000**	**3.000.000.000**	**450.000.000**
1	**Điều chỉnh giảm**	**950.000.000**	**500.000.000**	**450.000.000**	**-294.139.800**	**-269.389.800**	**-24.750.000**	**655.860.200**	**230.610.200**	**425.250.000**
	Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi	***950.000.000***	***500.000.000***	***450.000.000***	***-294.139.800***	***-269.389.800***	***-24.750.000***	***655.860.200***	***230.610.200***	***425.250.000***
-	Nội dung thành phần số 11 - Nội dung 01 (Quản lý điều hành, kiểm tra giám sát thực hiện chương trình)	500.000.000	500.000.000		-269.389.800	-269.389.800		230.610.200	230.610.200	

ĐVT: Đồng

STT	Đơn vị/Nội dung	Dự toán giao			Điều chỉnh tăng (+) /giảm (-) so với dự toán đã giao			Dự toán sau điều chỉnh/bổ sung		
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh
-	Nội dung thành phần số 11 - Nội dung 02 (Tuyên truyền, nâng cao nhận thức)	450.000.000		450.000.000	-24.750.000		-24.750.000	425.250.000		425.250.000
2	**Bổ sung tăng**	**2.500.000.000**	**2.500.000.000**		**294.139.800**	**269.389.800**	**24.750.000**	**2.794.139.800**	**2.769.389.800**	**24.750.000**
a	**Huyện Sơn Hà**	**2.500.000.000**	**2.500.000.000**		**269.389.800**	**269.389.800**		**2.769.389.800**	**2.769.389.800**	
-	Nội dung thành phần số 03 – Nội dung 02. (Mục b. Chi hỗ trợ các dự án, mô hình, phương án, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp	2.500.000.000	2.500.000.000		269.389.800	269.389.800		2.769.389.800	2.769.389.800	
b	**Chi cục Thủy lợi**				**24.750.000**		**24.750.000**	**24.750.000**		**24.750.000**
-	Nội dung thành phần 11 - Nội dung 01. Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng.				24.750.000		24.750.000	24.750.000		24.750.000
III	**Dự toán được giao tại số Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 24/01/2024 về việc phân bổ vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024 từ nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh**	**2.290.000.000**	**1.510.000.000**	**780.000.000**				**2.290.000.000**	**1.510.000.000**	**780.000.000**
1	**Điều chỉnh giảm**	**2.290.000.000**	**1.510.000.000**	**780.000.000**	**-685.000.000**	**-450.000.000**	**-235.000.000**	**1.605.000.000**	**1.060.000.000**	**545.000.000**
a	***UBND thành phố Quảng Ngãi***	***300.000.000***	***120.000.000***	***180.000.000***	***-75.000.000***	***-30.000.000***	***-45.000.000***	***225.000.000***	***90.000.000***	***135.000.000***
-	Nội dung TP 08 – Nội dung 02 (Chi tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công)	300.000.000	120.000.000	180.000.000	-75.000.000	-30.000.000	-45.000.000	225.000.000	90.000.000	135.000.000
b	***Thị xã Đức Phổ***	***1.990.000.000***	***1.390.000.000***	***600.000.000***	***-610.000.000***	***-420.000.000***	***-190.000.000***	***1.380.000.000***	***970.000.000***	***410.000.000***
1	Nội dung thành phần 03 – Nội dung 02 (mục b). Chi hỗ trợ các dự án, mô hình, phương án, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp	1.300.000.000	800.000.000	500.000.000	-340.000.000	-200.000.000	-140.000.000	960.000.000	600.000.000	360.000.000
2	Nội dung thành phần 03 – Nội dung 02 (mục c). Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại	200.000.000	100.000.000	100.000.000	-100.000.000	-50.000.000	-50.000.000	100.000.000	50.000.000	50.000.000
3	Nội dung thành phần 07 - Nội dung 01. Chi thực hiện các Đề án, Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn	210.000.000	210.000.000		-90.000.000	-90.000.000		120.000.000	120.000.000	
4	Nội dung thành phần 07 - Nội dung 02. Chi thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông lâm, ngư nghiệp ở Việt Nam	140.000.000	140.000.000		-60.000.000	-60.000.000		80.000.000	80.000.000	
5	Nội dung thành phần 07 - Nội dung 03: Chi đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường	140.000.000	140.000.000		-20.000.000	-20.000.000		120.000.000	120.000.000	
2	**Bổ sung tăng**				**685.000.000**	**450.000.000**	**235.000.000**	**685.000.000**	**450.000.000**	**235.000.000**
a	**Chi cục Thủy lợi**				**235.000.000**		**235.000.000**	**235.000.000**		**235.000.000**
-	Nội dung thành phần 11 - Nội dung 01. Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng.				235.000.000		235.000.000	235.000.000		235.000.000
b	**Huyện Sơn Hà**				**450.000.000**	**450.000.000**		**450.000.000**	**450.000.000**	
-	Nội dung thành phần số 03 – Nội dung 02. (Mục b. Chi hỗ trợ các dự án, mô hình, phương án, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp				216.710.200	216.710.200		216.710.200	216.710.200	
c	**Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý và đề xuất để tiếp tục bố trí cho các địa phương, đơn vị theo quy định**				233.289.800	233.289.800		233.289.800	233.289.800	